

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 09/4/2025  
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Văn Lực

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Lê Thanh Thu và bà Lê Thu Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 09/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2025 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N sinh năm 2001; nơi cư trú xóm 3, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn P sinh năm 1997; nơi cư trú xóm 3, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị N trình bày:** Chị N và anh P tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Khánh Cường ngày 31/12/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc; từ năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P chơi bời, không tu chí làm ăn, dẫn đến vi phạm pháp luật; nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N xin ly hôn anh P. Về con, chị N và anh P có 01 con là cháu Phạm Bảo An M sinh ngày 06/6/2020; chị N đề nghị giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N và chị N cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu M. Về tài sản, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

**Tại bản tự khai bị đơn là anh P trình bày:** Anh P và chị N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Khánh Cường năm 2002. Trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn; nhưng anh P và chị N đã hết tình cảm; nên anh P đồng ý ly hôn chị N. Về con, anh P và chị N có 01 con là cháu Phạm Bảo

An M sinh ngày 06/6/2020, anh P đồng ý giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng.. Về tài sản, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

- Cho chị N được ly hôn anh P.
- Giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N và anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.
- Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

##### **[1] Về tố tụng:**

**Về quan hệ pháp luật:** Chị N khởi kiện “Xin ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với anh P, việc khởi kiện của chị N được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Anh P cư trú tại xã Khánh Trung, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

**Về sự vắng mặt của bị đơn:** Tại phiên tòa bị đơn là anh P vắng mặt, do đang chấp hành án phạt tù và có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

**[2] Về ly hôn:** Chị N và anh P tự nguyện kết hôn với nhau, theo giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Khanh Cường cấp thể hiện chị N và anh P đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Khanh Cường ngày 31/12/2019, tại thời điểm kết hôn chị N và anh P đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; nên hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp.

Lý do ly hôn: Theo chị N khai từ 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P chơi bời, dẫn đến vi phạm pháp luật; nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo anh P khai giữa anh P và chị N đã hết tình cảm nên anh P đồng ý ly hôn chị N.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh P trong thời gian qua đã phát sinh mâu thuẫn, nay tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh P không còn; mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn anh P.

**[3] Về nuôi con:** Chị N và anh P có 01 con là cháu Phạm Bảo An M sinh ngày 06/6/2020. Do anh P đang chấp hành án phạt tù và anh P đồng ý giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng; nên chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Do chị N không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N và chị N cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu M; nên Toà án không buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N.

**[4] Về tài sản:** Chị N và anh P đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, nên Toà án không xem xét giải quyết; vợ chồng chị N anh P không vay mượn ai tài sản gì.

**[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Cho chị Nguyễn Thị Bích N ly hôn anh Phạm Văn P.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị N; giao cháu Phạm Bảo An M sinh ngày 06/6/2020 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001751 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị N đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND xã Khánh Cường
- Các đương sự
- Lưu hồ s

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

**Bùi Văn Lực**